

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2552/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 29 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ đợt II năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 547/TTr-SNV ngày 23/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế thuộc UBND các huyện, thành phố: Kim Động, Tiên Lữ, Hưng Yên đợt II năm 2023 theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Đối tượng: Viên chức trong biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tại đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách Nhà nước
- Số lượng tinh giản biên chế: 07 người, trong đó:
 - Đối tượng tinh giản biên chế theo chính sách nghỉ hưu trước tuổi: 05 người.
 - Đối tượng tinh giản biên chế theo chính sách thôi việc ngay: 02 người.

(Chi tiết tại danh sách kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Kim Động, Tiên Lữ, Hưng Yên kiểm tra trước khi ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ngay đối với từng đối tượng tinh giản biên chế, bảo đảm theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, hồ sơ, đối tượng thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo quy định; đồng thời, thực hiện việc chi trả các chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế theo các quy định của Trung ương và của tỉnh.

2. Giao Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh; trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện việc chi trả chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh quản lý, sử dụng số biên chế đã được tinh giản theo quy định; tổ chức kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền việc thực hiện tinh giản biên chế và các quy định có liên quan của các cơ quan, đơn vị.

4. Giao Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ; chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, Bảo hiểm xã hội cấp huyện giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với đối tượng tinh giản biên chế theo quy định; Xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội và có ý kiến xác định cá nhân chưa đủ điều kiện được hưởng lương hưu tính tới thời điểm xin nghỉ tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Nội vụ, Tài chính; Kho bạc nhà nước Hưng Yên, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố: Kim Động, Tiên Lữ và Hưng Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các đối tượng tinh giản biên chế có tên trong danh sách tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm thi hành. *TR*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu VT; NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Văn

DANH SÁCH

VIỆN CHỨC THỰC HIỆN TÍNH GIÁN BIÊN CHẾ ĐỘT II NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ; Đơn vị công tác	Lương theo ngạch, bậc, chức danh, CV hiện hưởng		Phụ cấp thâm niên (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liên kế		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Tiền lương tháng hiện hưởng	Tiền lương tháng (nếu có) để tính đóng BHXH (đồng)	Số tháng, năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tính biên chế	Số năm hưu về hưu khi thực hiện tính biên chế	Mức tuổi nghỉ hưu khi thực hiện tính biên chế	Thời điểm tính tình biên chế	Lý do tính gián	
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
I	Nghi hưu trước tuổi																						
1	Nguyễn Phương Thi	23/5/1969	Cao đẳng	Giáo viên Trường Tiểu học và THCS Mai Động, huyện Kim Động	4,89	5/2020	5%	5/2023	31%	4/2023	4,58	5/2017			-	9.678.370	33 năm 03 tháng	0	54 tuổi 06 tháng 08 ngày	2 năm 05 tháng 23 ngày	57 tuổi	01/12/2023	Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí đang đảm nhiệm nhưng không có vị trí việc làm phù hợp để bổ trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn nghiệp vụ
2	Nguyễn Liên Bích	21/4/1970	Đại học	Giáo viên Trường THCS Quảng Châu, thành phố Hưng Yên	4,98	9/2020			30%	9/2023	4,65	9/2017			9.325.020	32 năm 02 tháng	0	53 tuổi 07 tháng 10 ngày	03 năm 08 tháng 21 ngày	57 tuổi 04 tháng	01/12/2023	Năm học 2022 - 2023 hoàn thành nhiệm vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý	
3	Trần Quỳnh Thúy	03/10/1970	Đại học	Hiệu trưởng Trường Tiểu học Quảng Châu, thành phố Hưng Yên	4,98	10/2017	7%	10/2022	31%	3/2023	4,65	10/2015	0,4	11/2015		10.804.408	33 năm 03 tháng	0	53 tuổi 01 tháng 28 ngày	04 năm 06 tháng 03 ngày	57 tuổi 08 tháng	01/12/2023	Năm học 2022 - 2023 hoàn thành nhiệm vụ và cá nhân tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ; Đơn vị công tác	Lương theo ngạch, bậc, chức danh, CV hiện hưởng		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Tiền lương tháng hiện hưởng	Tiền lương (nếu có) để tính trợ cấp do BHXH (đồng)	Số tháng, năm đóng BHXH	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên	Tuổi khi giải quyết nghỉ hưu	Số giờ vượt quy định	Mức hưởng khi thực hiện nghỉ hưu	Thời điểm tính tình biên chế	Lý do tình biên
					Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Tiền lương tháng hiện hưởng	Tiền lương (nếu có) để tính trợ cấp do BHXH (đồng)									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
4	Bùi Thị Thoi	05/01/1970	Trung cấp Giáo viên mầm non Châu, thành phố Hưng Yên	Trưởng phòng Quản lý	3,46	2/2023		16%	02/2023	3,26	02/2021			5.782.180	28 năm 11 tháng	0	53 tuổi 10 tháng 26 ngày	03 năm 05 tháng 04 ngày	57 tuổi	01/12/2023		Năm học 2022 - 2023 hoàn thành nhiệm vụ và cả nhân tự nguyện thực hiện tình biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý	
5	Lê Quỳnh Châu	18/10/1969	Cao đẳng Giáo viên THCS Liên Phương thành phố Hưng Yên	Trưởng phòng	4,89	4/2020	5%	4/2023	30%	01/2023	4,58	04/2017		9.333.114	29 năm 11 tháng	0	54 tuổi 01 ngày 13 ngày	02 năm 10 tháng 18 ngày	57 tuổi	01/12/2023		Năm học 2022 - 2023 hoàn thành nhiệm vụ và cả nhân tự nguyện thực hiện tình biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý	
II Thời việc ngay																							
1	Đỗ Thị Thanh Huyền	04/02/1982	Đại học Viên chức và THCS Nhân La, huyện Kim Động	Trưởng phòng	3,33	08/2023				3,00	7/2017			5.994.000	12 năm 06 tháng	0	41 tuổi 09 tháng 27 ngày	-	60 tuổi	01/12/2023		Năm học 2022 - 2023 đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ và cả nhân tự nguyện thực hiện tình biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	15/06/1985	Đại học Giáo viên Tiểu học Dự Chế, huyện Tiên Lữ	Trưởng phòng	3,66	09/2023		15%	06/2023	3,34	12/2020			7.576.200	18 năm 02 tháng	0	38 tuổi 5 tháng 16 ngày	-	60 tuổi	01/12/2023		Năm học 2022 - 2023 hoàn thành nhiệm vụ và cả nhân tự nguyện thực hiện tình biên chế và được cơ quan trực tiếp quản lý đồng ý	